

119/2023 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU – LUỒNG VŨNG TÀU – THỊ VẢI – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo số 238/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4TV002, VN4ĐT001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 26 tháng 10 năm 2023)

Chèn	Độ sâu	1 ₇	10°30'13.91"N	107°00'22.69"E
		4	10°30'12.81"N	107°00'20.23"E
		5	10°30'16.46"N	107°00'23.54"E
		5 ₃	10°30'11.06"N	107°00'12.70"E
Xoá	Độ sâu	4 ₁	10°30'13.49"N	107°00'21.30"E
		5	10°30'15.83"N	107°00'23.16"E
		5	10°30'10.92"N	107°00'12.92"E
	Độ sâu ngập triều	0 ₂	10°30'16.48"N	107°00'25.70"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

119/2023 – VIET NAM – BA RIA – VUNG TAU SEA PORT WATER – VUNG TAU – THI VAI CHANNEL – Depths

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety Notice No.238/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4TV002, VN4ĐT001 (Edition No. 2, updated on October 26th, 2023)

Insert	Depth	1 ₇	10°30'13.91"N	107°00'22.69"E
		4	10°30'12.81"N	107°00'20.23"E
		5	10°30'16.46"N	107°00'23.54"E
		5 ₃	10°30'11.06"N	107°00'12.70"E
Delete	Depth	4 ₁	10°30'13.49"N	107°00'21.30"E
		5	10°30'15.83"N	107°00'23.16"E
		5	10°30'10.92"N	107°00'12.92"E
	Drying height	0 ₂	10°30'16.48"N	107°00'25.70"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
